

THỬ TÌM HIỂU VĂN MINH VIỆT NAM THỜI ĐẠI KIM KHÍ

NGUYỄN DUY HINH

Hân minh là hệ quả của hai quá trình tương tác Người - Tự nhiên và Người - Người. Hệ quả đó chung cho Nhân loại và mang tính Nhân loại. Biết bao hiện tượng đồng qui đã nhận thấy trong văn minh nhân loại. Khi tâm mắt ta chưa vượt ra ngoài biên giới thì cái gì cũng Ta là Ta. Đi tìm cái Ta. Tìm ở đâu vậy? Trong những bộ hài cốt vô chủ, trong những đục đá, rìu đồng vô thừa nhận? Trong những hình vẽ trên đá dài hàng cây số, trong những hầm mộ đất, gạch hay gỗ, trong những công xưởng đá... quả còn lưu đọng hình ảnh của quá khứ. Thật ra quá khứ vẫn đang tồn tại vẫn đang tồn tại với chúng ta. Bởi vì đừng về góc độ văn minh mà nói không có quá khứ mà chỉ có tích tụ. Tích tụ và phát triển. Trong con Người Hiện Đại ẩn tàng Con Người Quá Khứ.

Một hôm nhân lúc trà dư tửu hậu lại nhắc đến Ta là ai? Có bạn bảo: cởi hết áo ra Ta là Nho. Bạn khác phản đối: là Phật. Tôi lại cho rằng cởi hết áo ra Ta là Chủ Động Tử. Cậu bé đóng khố đứng trên bến nước dòng sông Hồng chính là Ta vào thời điểm chúng ta đang săn tìm. Dấu hiện nay người ta (Ta) đã sắm cho Cậu nào vợ đẹp, nào thuyền buôn, nào gậy thần (của Phật ? ? ?), Nào nón lá, nào lâu đài trong một đêm, nào móng rồng tặng Triệu Quang Phục những phép màu do ông tiên dạy ngoài biển chãng... Và trong lễ hội

năm 1993 vừa rồi tôi thấy Ta tặng cho Cậu cả múa rồng, nhẩy sạp bên cạnh " con đi đánh bóng " đội nón lá mang kính đổi màu (của Nhật, Thái Lan, Pháp, Mỹ hay của Trung Hoa)... Thuyền rồng xanh xanh đỏ đỏ hàng chục chiếc đàn ca tràn mặt nước dọc ngang sông Hồng.

Nhưng không ai nhớ đến ông Bé (con cá chép mà sao gọi ông Bé?) sơn son thếp vàng trong điện thờ Cậu. Mà Con cá đó mới là Ta thời ấy.

Hãy nói từ con Cá. Nhân loại có lạ gì con cá. Cá là món ăn nhân loại. Người láng giềng ta đã vẽ con cá lên chiếc chậu gốm Bán Pha và có người coi là Tô Tem. Xương cá cũng đã tìm thấy vô số. Hiện nay cũng chưa ai quan tâm thử xem xương cá được phát hiện sớm nhất vào lúc nào. Cá thì người phương Bắc cũng ăn. Nhưng canh cá thì ngay Tư Mã Thiên cũng phải ghi vào phần người Việt. Hiện nay không ai thử tổng kết Ta có bao nhiêu loại canh cá. Vừa may tờ Thanh Niên ngày 13 - 2 - 1996 đăng bài " *Khi canh cá trở thành " đại sứ văn hoá" Việt Nam trên đất Mỹ*" của Phương Trinh giới thiệu món canh chua tôm của bếp trưởng Diệu Hồ làm tại khách sạn New Wold Sai Gon ở New York . Canh chua tôm là một trong những món canh cá, mà chưa phải là món canh cá ngon nhất. Giữa đất New York không thiếu hàng ăn Âu, Á, song người ta vẫn nhận diện được văn hoá Việt

Nam qua món ăn thì quả thật là Ta không lẫn với Họ. Chưa có công trình nào nghiên cứu trên thế giới những ai ăn canh cá, ai ăn cá nướng. Theo tôi canh cá không thấy trong thực đơn một số nước mà tôi biết. Châu Phi nổi tiếng cá rô và cá trê. Chợ thành thị cũng như nông thôn bán cá trê Phi nướng rất ngon. Người Bắc Kinh làm món cá rán và cá hấp tuyệt vời. Người Quảng Tây thích cháo cá sống. Người Hán đã lấy con cá làm biểu tượng phồn thực. Tín đồ Thiên Chúa giáo cũng lấy con cá làm biểu tượng. Vậy Cá không phải của riêng Ta. Và cũng không từng có văn minh Cá! Chỉ có "văn minh lúa nước". Trong lễ tục có mặt cá. Người Mường có tục bắt cá tế lễ mà J. Cuisinier nói đến. Làng Me huyện Tùng Thiện tỉnh Hà Tây có tục bắt cá tế thần.

*Nhất hội Hương Tích nhì hội Phủ Giầy
Vui thì vui vậy chẳng tây đánh cá làng Me*

Đền Địa xã Canh Tân huyện Hưng Hà, đình Lũng Giang, huyện Tiên Sơn tỉnh Hà Bắc, làng Ngũ Xá huyện Thường Tín tỉnh Hà Tây cũng có tục bắt cá tế thần. Còn con cá Quan Bế trong đền thờ Chủ Động Tử xã Dạ Trạch huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng là con Cá duy nhất được thờ mà tôi biết. Nhưng ở đó không có tục bắt cá tế thần. Con cá chép, ngựa của ông Táo, chưa biết thuộc quốc tịch nào tuy táo quân là của Họ. Cái mõ con cá - Mọc ngư - thì chắc chắn không phải của Ta. Cá chép vượt vũ môn hoá rồng là của Họ.

Hình tượng con Cá trên đồ đồng nước ta. Có hai loại. Con cá nước ngọt hoặc đang bơi hoặc bị con bô nông hay con cộc gắp. Con giao long hay con thường luồng lại được gắn với cái thuyền mà nó ngăn cách. Con thường luồng quả là thân sông nước được thờ từ ven đồng bằng đến bờ biển: thân Rắn. Và phải chăng Rắn có quan hệ với bọc trứng Âu Cơ? Lạc Long Quân, con Rắn đẻ Âu Cơ,

con Rắn cái. Cặp Rắn thường gặp trong thần tích nước ta. Nhưng Rắn đầu riêng của Ta. Con Naga 7 đầu Ấn Độ có cội nguồn Vệ Đà. Con rồng (long) Trung Hoa vốn là con vật 4 chân đầu ngựa thân rắn. Còn con Rắn của ta thì hoàn toàn rắn, nó nhân hoá thành người rồi trở lại rắn như rắn thật. Con Rắn Hồ Tây thành Ling Lang rồi lại thành con rắn bò xuống Hồ Tây. Đó là khác biệt cơ bản Rắn của Ta với Naga và rồng của Họ. Hiện nay Rồng (long) đã đồng nhất với cả Rắn lẫn Naga.

Con Rùa dạng hình tượng cũng như di cốt đều đã phát hiện. Nhưng đó không phải con rùa "trên chùa hạc cõi dưới chùa đội bia". Cái con rùa thiêng này từ sông Hạc tới, con rùa đem đến văn giáp cốt và bốc (bói trong tiếng Việt là biến âm của nó). Không có con rùa liệu văn minh cổ đại Trung Hoa sẽ mang sắc thái nào? Còn đối với Ta, nó chỉ để lại một ý "chậm như rùa" không chút thiêng dù có người cũng muốn nó thiêng, có thiêng cũng chỉ là thiêng vậy.

Con Cóc ngồi oai vệ trên mặt trống đồng nhóm Hữu Chung xuất hiện đột ngột và lập tức mang tính huyền bí với những hoa văn trang trí trừu tượng và với những chú cóc con tả thực trên lưng cóc mẹ. Phồn thực thì tự Cóc nói lên. Cầu mưa do nhà nghiên cứu ban cho nó phép màu vì cóc (ếch, nhái) kêu thì Trời mưa. Con Cóc là cậu ông Trời, gan cóc tía, chàng Cóc... Quả trong tâm hồn Ta, Cóc có chỗ đứng. Chưa thấy ở Họ có sự tôn xưng văn hoá nào với con Cóc. Gán cho nó chức danh Cậu ông Trời quả là điều phạm thượng cao nhất trong văn minh lấy ông Trời làm chúa tể mà thiên tử quyền uy là của ông ta.

Liên quan đến nước còn có "chú cò lặn lội bờ sông bắt tép nuôi chồng". Chú bay quanh cái gọi là mặt trời trên trống đồng. Cho là chim Lạc, vật tổ, chỉ là

lý thuyết một thời, liên tưởng hơn là minh chứng. Mà Lạc thì đã lạc từ phương Bắc xuống Ta. Dòng họ chim có giá trị tín ngưỡng trong nhiều dân tộc khác, ngay ở nước ta ngày nay, người ta vẫn cho là vật tổ của người Thái. Nhưng người Việt không thờ cò, mà "thằng cò" là để chỉ cậu con trai. Trong văn hoá dân gian thường được nhắc đến một cách thân thương triu mến nhưng giá trị văn chương không bao giờ đạt đến con cò Vương Bột bất hủ, con cò phương nam mà nhà thơ thấy trên đường sang Giao Châu (nước lúc bấy giờ) thăm cha.

Một con vật "nước" - con trâu nước, có mặt trong di chỉ Đông Đậu, trên trống đồng nhóm Đồi Ro dưới tên gọi con bò. Bò hay trâu (hoàng ngưu, thủy ngưu) xem ra cũng một loài. Chiếc sừng trâu ngọc bích đình Tràng là thông tin chắc chắn về con trâu. Lễ đâm trâu (ăn trâu) tưởng chừng của riêng dân tộc thiểu số Trương Sơn thì lại thấy đầy đủ trên trống A Chương Trại mà trống Đồi Ro là phiên bản rút gọn. Rồi cảnh chọi trâu Đô Sơn và con trâu vàng Hồ Tây... con trâu là đầu cơ nghiệp. Thế thôi, không thiêng nữa, không trừu tượng như con bò Ấn Độ nổi tiếng-con Nadin- với tập tục kiêng ăn thịt bò. Người Tây Ban Nha cũng dành một chút vị trí cho con bò tốt trong trò đấu bò tốt cho đến nay vẫn hấp dẫn. Người Ân Chu đã sớm dùng xương trâu cùng mai rùa làm vật liệu thiêng cho Xuân Quan Thái Bốc và đưa nó lên bàn hiến tế- thái lao trong tam sinh.

Con hươu là động vật hình tượng nhiều nhưng không thể nào tìm thấy vị trí của nó trong nền văn minh Việt Nam. Phải chăng nó chỉ là hình bóng trung thượng du còn lưu giữ trên những di vật hình thành khi con người đã tiến vào đồng bằng với con thuyền và con trâu. Đứng là " ngõ ngác đập lá vàng khô". Hay "nói

hươu nói vượn" chỉ cái gì không nắm bắt được, tha hồ nói để nói. Cùng dòng phải nói đến con dê. Chỉ gặp trên khuyên tai hai đầu thú mà kể cho là dê người lại phản bác đơn giản không cần lý lẽ gì!. Phải chăng nó lạc từ đồng cỏ xuống cũng như đôi hình người - hươu trên một vài trống đồng thuộc dòng nghệ thuật đồng cỏ. Nó được vào hàng tam sinh trên tế đàn Ân Chu. Trên tế đàn nước ta chỉ gặp hai con vật: lợn và gà.

Lợn có mặt khắp thế giới, ăn thịt lợn không phải là cá biệt. Chỉ kiêng ăn thịt lợn mới là cá biệt. Hồi giáo cho nó là con vật nhơ bẩn. Nhơ bẩn thì nhơ bẩn thật. Nhưng không làm ô uế bàn thờ dù cúng sống hay cúng chín. Lợn lòi quả là thiêng với Vishnu giáo. Nó là hoá thân của Đấng Tối cao cứu vớt Trái Đất, toan cày đổ cây Trụ Lửa (linga). Nhưng cũng chỉ một lần thiêng với tư cách hoá thân của Vishnu mà thôi. Trong làng thần linh Ấn Độ, lợn không xuất hiện nơi nào khác. Trong tam sinh chính hiệu Ân Chu có lợn, về sau tam sinh biến thể thành gà - cá - lợn thì trâu dê ra đi mà lợn vẫn ở lại. Nhưng cũng chỉ là vật hy sinh. Ta và Họ không phân biệt đối xử con vật " bản thủ " này.

Gà cũng không riêng ai. Gà gáy, gà chọi phổ biến khắp nơi. Chỉ có nước Pháp lấy con gà " Gaulois" làm biểu tượng nhưng không phải là thần thánh. Có lẽ người Gaulois yêu thích tính chiến đấu của con gà chọi đã từng gặp trong tư liệu thời đế quốc La Mã. Ai đó muốn thiêng hoá việc chọi gà nhưng rõ ràng không tìm ra minh chứng lịch sử. Giả thích thập nhị chi: Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi vì sao lại thành: Chuột, Trâu, Hổ, Mão(thỏ), Rồng, Rắn, Ngựa, Dê, Khỉ, Gà, Chó, Lợn là một việc dài dòng rắc rối mà Quách Mạt Nhược đã làm và những phát hiện khảo cổ

học mấy chục năm gần đây ở Trung Quốc đã đưa ra " dị bản" Sở. Trên trống đồng muộn cũng đã thấy 12 con thú này dưới một dạng nào đó. Cũng chưa ai nghiên cứu, nhưng cội nguồn phương Nam của 12 con thú này là điều đáng quan tâm. Mối quan hệ giữa thập nhị chi (địa chi) và 12 sinh tiêu (12 con thú mà mỗi người cầm tinh một con theo năm sinh âm lịch) là giả tạo. Điều đó có thể khẳng định được dễ dàng. Tỉ không có nghĩa là Chuột (thử); Sửu không có nghĩa là Trâu (ngưu) ... Trong đó chúng ta gặp con Rắn, Gà, Lợn vừa bàn luận. Còn một con vật nữa cũng có mặt trên đồng cổ nước ta: con Chó.

Con chó trên chiếc rìu đồng đôn đầu con hươu là một cảnh đẹp. Con Chó theo chủ lên thuyền. Con Chó - người bạn trung thành là điều không nghi ngờ gì đối với Ta. Nhưng ta yêu Chó chứ không kính Chó. Con Chó Bàn Hồ thiêng cho người Dao với một chiếc đuôi chó tượng trưng trong y phục làm ta liên tưởng đến tộc Khuyển Nhung trong sách cổ. Trong mộ người Ân có đặt con chó dưới quan tài để làm nhiệm vụ dẫn đường cho cho chủ dưới âm phủ cũng như làm " tẩu cầu" trên trần gian. Lạc đường theo chó, lạc ngõ theo trâu. Ta cũng nhận thức như vậy, nhưng cho đến nay chưa thấy chôn theo chó. Chó Ta chỉ biết đường nhân thế.

Một dã thú được kiêng nể: ông Ba mươi hay ông Kênh. Răng hổ dùng làm bùa đeo (amulette) đã phát hiện ở Gò Chùa Thông. Cho đến gần đây vẫn có tục đeo vuốt hổ thật hay giả để trừ tà cho trẻ con. Trong nhà cũng thấy tranh thờ: Thân Hổ. Chưa ai nghiên cứu cội nguồn tranh Ngũ Hổ. Chưa rõ Họ hay Ta. Theo tôi biết phương Bắc cũng có Tây Trúc không thờ hổ. Hổ có mặt khắp nơi trên thế giới nhưng có lẽ quê hương là rừng rậm nhiệt đới chứ không phải đồng cỏ cũng không

phải đồng bằng . Có thể Hổ là của Ta dù rằng Laksmi, Triệu Công Minh đều cỡi hổ. Ta đã thờ Hổ theo ý nghĩa " dĩ độc trị độc" hơn tôn kính tín ngưỡng.

Một thú khác - con voi, cũng đã gặp trên trống đồng và dao găm làng Vạc. Con voi rõ ràng có bành. Con voi Bà Trưng, Bà Triệu cỡi chằng? Con voi làng Vạc rõ ràng là con vật thiêng hay chí ít cũng là biểu tượng. Đó là những bộ tượng trên chuôi dao găm: Rắn - Voi, Hổ - Voi. Nếu giải mã Rắn là đất hay là Nước thì con Voi có bành được Rắn chở, giải mã Hổ là sức mạnh thì con Voi có bành ngự trên Hổ. Theo cấu trúc chung tổng thể cán dao găm thì trên bành voi không có người hay vật gì khác. Phải chăng Người không được thể hiện mà thôi chứ đã có bành tất phải có cái trên bành. Đó là Voi thuần dưỡng chứ không phải voi rừng. Con voi không riêng Ta. Con voi biểu tượng Thông Minh trong văn hoá Ấn Độ: Phật và Ga- nơ - xa. Trung Quốc không biết đến voi dù rằng truyền thuyết về vua Thuấn cày voi ở Dã Săn ai cũng biết nhưng voi không trở thành biểu tượng. Với ta, Voi chỉ dùng lại ở sức mạnh thuần phục chứ không tàn bạo như Hổ. Cái mà Ta muốn tôn thờ là Cái Trên Lưng Voi: Người Cỡi Voi. Phải chăng đây là một dạng nghệ thuật phi ngẫu tượng? Nghệ thuật phi ngẫu tượng không chỉ riêng Phật giáo có. Ngẫu tượng chỉ hình người (anthropoforme) . Nhân hình hoá Cái Thiêng là một bước tiến vượt bậc trong tư duy nhân loại: nhận thức được Con Người là chủ thể vũ trụ, là Tạo Hoá hoàn mỹ nhất vượt trên muôn loài.

Những hình tượng Người trên trống đồng, trên cán dao găm hay riêng rẽ (tượng Văn Điển) nam hay nữ đều tả thực với đôi nét cách điệu (vòng tròn thay vì mắt). Tượng nam Văn Điển biểu thị phồn thực đã rõ. Các tượng nam khác không

mang ý nghĩa riêng đó, trái lại mang ý nghĩa quyền uy (phàm hay thiêng). Rõ ràng những chiếc dao găm đó không phải thực dụng như những chiếc rìu đồng trang trí thuyền và chó, những chiếc trống đồng đều mang tính chất nghi trượng (phàm hay thiêng).

Theo tôi toàn bộ hoa văn có 3 loại. Thứ nhất: văn chải, văn in ô vuông, văn thùng là những dấu ấn kỹ thuật có hiệu quả thẩm mỹ chứ không phải nghệ thuật. Làm những văn này kín toàn bộ diện tích đồ gốm nhằm làm cho mặt gốm và xương gốm chắc hơn mịn hơn khắc phục và che dấu những thiếu sót kỹ thuật. Thứ hai, những đồ án hình học mà ngày nay ta phải chú ý đến lý luận đối xứng hay thấu thị... để giải mã cái mà người thợ đồ gốm chưa biết đến mà đã làm ra. Tất nhiên đồ án xuất hiện trên cơ sở loại hoa văn thứ nhất song không còn là loại hoa văn thứ nhất nữa, ý nghĩa kỹ thuật đã hoàn toàn biến mất. Thứ ba, những cảnh bao gồm nhiều hình tượng phức hợp hình người, hình động vật, hình thực vật và các hoa văn hình học. Trong trường hợp trống đồng hoa văn hình học bị đẩy ra ngoài đóng vai trò khung của cảnh. Đến bước thứ ba này, hình tượng đã xuất hiện, trang trí mang tính ngôn ngữ rõ rệt. Có thể đọc được, đọc như thế nào, tùy từng người. Hình người già gạo nói "giã gạo"; hình người múa nói "múa".

Quay trở lại tượng. Tượng, một hình tượng hoàn chỉnh tất có một ngôn ngữ rõ ràng dù đơn chiếc hay tổ hợp. Người đàn ông Văn Điển có đặc điểm gì? Khắc tượng đàn ông trên cán dao găm ở chỗ bộ phận sinh dục được cường điệu. Cường điệu một bộ phận nhân thể không phải chỉ Ta. Tượng nữ thời đại Đá Châu Âu cường điệu bụng. Shiva cường điệu linga. Người Châu Phi cũng cường điệu sinh thực khí nam trong điệu múa. Vậy

người tạo tượng Văn Điển muốn nói cái đó của người đàn ông như dương cương trong Dịch. Không phải cường điệu cái đó của đàn bà. Thế các tượng nam nữ trên cán dao găm nói gì? Tượng chuỗi dao găm tất liên quan đến lưỡi dao găm. Dao găm chuỗi rắn - voi, hổ - voi, rắn - hổ nói Cực Mạnh, Cực Hiếm, Chết Người. Cả dao lẫn hổ, rắn, voi đều sát khí đằng đằng. Nói là biểu tượng quyền uy phàm thế cũng không hoàn toàn vô lý. Nhưng hãy nhớ đến cặp tượng Đào Thịnh. Phải chăng dao găm trở thành cặp nam nữ như một dạng cặp nam nữ Đào Thịnh nhưng tách rời. Vậy tại sao lại dao găm? Nên nhớ người con trai trong cặp Đào Thịnh vẫn đeo con dao đó thôi. Dao găm chỉ sức mạnh. Sức mạnh của nam, sức mạnh của nữ. Sức mạnh ma thuật của giới tính. Ta đã nhận thức được con người và giá trị của nó. Trong nghệ thuật Ấn Độ, tư tưởng như thế được thể hiện mạnh mẽ cũng có lúc mang tính biểu tượng như linga và yoni, cũng có lúc cụ thể như những tượng shiva và sakti. Dương tính được đề cao như Ta nhưng tính chất biểu tượng tôn giáo đã lấn át tính tả thực. Trong văn minh Trung Quốc cổ thì quan hệ giới tính biểu thị bằng âm dương và nhanh chóng mang tính triết học thân bí. Những tranh vẽ và tượng đề tài này xuất hiện muộn hơn. Tư tưởng Phồn Thực bị tư tưởng Thiên Mệnh chi phối và che khuất trong Thiên Địa Nhân.

Như vậy đã đi qua một số hình tượng đã xuất hiện trong thời đại Kim Khí nước ta. Có thể đó là cơ sở tìm hiểu cái Ta sớm nhất, về sau xuất hiện những hình thái kế tiếp của Ta như Ta Đại Việt, Ta Đại Nam, Ta Việt Nam. Không thể quan niệm Ta bất biến dù rằng đó là nói về Bản sắc, bởi vì nội dung bản sắc có phát triển mới tồn tại được. Bản sắc không phải bất biến mà cũng không phải đơn tố. Nó là hệ

quả của văn minh, cốt tủy của văn minh một tộc, dân tộc nhất định.

Khi nói văn minh là mối tương tác giữa Người với Thiên nhiên và người với người là nói chung, nói khái quát cho toàn nhân loại. Trong trường hợp muốn phân biệt giữa Ta và Họ phải đi vào môi trường cụ thể. Nếu như những con Người vùng ôn đới hay ngược mắt nhìn Trời như người Trung Quốc và Ấn Độ thì những con Người vùng nhiệt đới lại hay nhìn xuống Đất như Ta. Văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ mang tính trừu tượng truyền thuyết tuy hai bên đi hai con đường khác nhau từ đầu. Lông lộng trong nội dung cũng như hình thức. Đền đài, tiêu tượng, kinh sách đều lấy khối lượng làm chuẩn, kể cả một mô típ hoa văn hình học cũng đường nét thô lớn chạm đục nổi nhiều hơn khắc vạch. Con người bị đè bẹp bởi dưới Thiên nhiên. Sự cảm giác áp đảo. Nội dung tư tưởng nếu không huyền bí cũng cao siêu đưa con người vào cõi Hư Không với biết bao phạm trù phức tạp ra đời rất sớm.

Còn Ta vẫn bám lấy Đất, Bám lấy cuộc sống hiện hữu. Nhìn lại vốn ngôn ngữ dân tộc, chắc có người sẽ ngạc nhiên. Không Hồn, không Thần, không Quỷ, không Ma... tuy rằng có trời có đất, có già, có chết, có đẻ, có ốm. Thần, Quỷ từ Trung Quốc sang. Còn Phật và Chúa thì còn muộn hơn. Phải chăng có những thuật ngữ tương đương mà đã mất và bị thay thế? Cũng có khả năng đó. Nhưng theo tôi những phân tích trên đây không cho thấy có cơ sở sản sinh ra những khái niệm trừu tượng mang tính chất tâm linh tôn giáo màu sắc bản thể luận như vậy ngoại trừ một tình cảm tôn giáo "có thờ có thiêng, có kiêng có lành."

Nhận thức trừu tượng đã xuất hiện nhưng chưa khái quát hoá thành một hệ biểu tượng kèm theo một hệ giá trị tương

đối ổn định. Vẫn dùng những hình tượng cụ thể để diễn đạt hình tượng Thiêng mà chưa đưa ra suy tư triết học hay lý luận cứu thế nào. Toàn bộ văn minh man tính thực tế thực dụng thuần phác. Phồn thực cũng chỉ là Hòn Đá Thiêng tượng trưng sinh thực khí nam. Không cần thân tượng khi đã nhận thức được con Người với tư cách là biểu tượng mà chỉ có Hòn Đá - Cây Đa đủ để thờ cúng cầu xin. Phải chăng từ tượng Văn Điển và dao găm hình người nam nữ đến Nỗ Nường có mối liên quan không những nội dung mà hình thức nữa? Những cái Nỗ Nường cũng được treo lủng lẳng rước đi. 36 cái. Vì sao 36 cái? Không biết. Không có Hồn và Phách nhưng có Vía. Vía là cái gì? Nam 3 hôn 7 vía, nữ 3 hôn 9 vía. Khái niệm Hồn và Phách trong văn minh Trung Hoa cũng đã đến với Ta. Nhưng Phách có phải là Vía hay không và vì sao có 3,7,9? Phải chăng Vía chính là ý niệm về cái không nhìn thấy trong sinh mệnh nhưng lại không phải là hồn, nghĩa là cái không nhìn thấy đó gồm hai phần hôn và vía. Trong quan niệm Trung Quốc cổ thì cũng chia ra hôn và phách, nhưng không đưa ra các con số 3,7,9 như Ta. Đến nay vẫn là điều chưa minh giải được nhưng rõ ràng tuy cùng một nhận thức Con Người có phần vật chất (hình thể, sắc) và phần tinh thần (hồn, ý) nhưng Ta đã đưa ra một cách nhìn số học tựa hồ đếm được hôn, vía mà phụ nữ lại nặng vía hơn. Nhưng Ta chưa hề hình dung một thế giới vô hình nào cả, khái niệm thế giới bên kia ngoại nhập, dù rằng Ta ý thức được cái chết và thờ cúng tổ tiên tỏ lòng thương nhớ người thân. Tuyệt không đưa ra một sức mạnh siêu nhiên nào cứu độ con người.

Văn minh không phải chỉ là hệ quả đơn thuần của một kỹ thuật nào đó. Không có một nền văn minh lúa nước như một số người đã chủ trương. Năm 1984

Pierre Gourou xuất bản cuốn Riz et civilisation (Cây lúa và văn minh) dày 299 trang. Là nhà bác học am hiểu đồng bằng Việt Nam và cây lúa ở các nước trồng lúa. Ông đã viết: " Nghề trồng lúa nước là một bộ phận tổng thể kỹ thuật tạo ra một nền văn minh; nhưng nó là một bộ phận của nền văn minh này chứ không quyết định nền văn minh đó... những nền văn minh lớn ở châu Á không phải do cây lúa nước sinh ra..." Toàn bộ các hình tượng Hồ, Rắn, Chim, Cá, Rùa, Hươu, Nỗ Nường v.v... đã điếm qua trên đây đều không phải là biểu tượng của cây lúa nước. Đặc biệt không nhận thấy hình tượng cây lúa nước trên đồ đồng cũng như đồ gốm ngoại trừ vài trường hợp tương đối giống mà thôi. Người ta cho rằng con cò và hoa văn sóng nước là biểu tượng Cây Lúa Nước. Con cò chu lộ bay trong văn minh Trung Hoa, văn sóng nước cũng có khắp nơi không trồng lúa nước.

Trong toàn bộ biểu tượng kể trên in dấu vết sâu đậm tâm hồn Việt Nam là Rắn, Hồ và Nỗ Nường. Một biểu tượng khác là Núi cũng rất quan trọng nhưng trong hoa văn đồ đồng thì gọi là văn răng cưa, văn tam giác. Một biểu tượng khác - Mặt Trời, cũng thấy trên mặt trống đồng, thập đồng mà nhiều người cho là tục thờ mặt trời song thật ra trong ca dao tục ngữ cũng như tín ngưỡng cũng chỉ có ông Trời mà không có mặt trời.

Nếu như ta chấp nhận có một hệ biểu tượng ba tầng: Trời - Đất - Nước.

Trời có mặt trời nằm trung tâm đồ án của những cảnh hươu, nai, người múa, cò bay và núi viên quanh. Trời là ông Trời mà con cóc đang gọi mưa. Trời là biểu tượng cụ thể- ông Trời như một siêu nhân để chỉ sức mạnh tự nhiên làm nên mưa nắng. Không phải là một vị thần của một thần điện tôn giáo mà là một ông nghĩa là một con người nào đó cũng như ông Sấm,

ông Ba Mươi, ông Voi. Nhân cách hoá một hiện tượng tự nhiên là một qui luật chung trong tín ngưỡng nguyên thủy của nhân loại sơ khai. Đó chưa phải là minh giải vũ trụ như trong các tôn giáo phổ quát(Thiên Chúa giáo, Bà La Môn giáo, Phật giáo)

Tiêu biểu cho đất và núi, Hồ và Nỗ Nường, thế giới của con người. Mặc dù trên mặt đất còn hươu, nai, chồn, chó, cóc... nhưng trở thành thiêng trong tâm hồn Việt chỉ có Núi / Hồ và Nỗ Nường. Đều được thuần hoá. Núi sẽ thành Tản Viên, Cao Sơn được thờ khắp nơi. Nỗ Nường vẫn còn là Nỗ Nường tuy đôi khi khoác lên trên một vị thần như Thục Côn công chúa tên là Con Nường trong thần tích thôn Tráng Kiện, xã Tức Mặc (cũ), tỉnh Nam Hà⁽¹⁾. Từ cặp nam nữ trên thập đồng Đào Thịnh đến bộ cối - chày làng Nhuế tỉnh Hải Hưng ngày nay đến 36 Nỗ Nường vốn trước cách mạng 1945 còn rước ở hội Lim tỉnh Hà Bắc là một quá trình biểu tượng hoá tính sinh thực thiêng liêng.

Tiêu biểu cho Nước là Rắn (thường luồng, rồng, giao long). Rắn thì có nhiều dân tộc trên thế giới đề cập đến. Nhưng con rắn của Ta biểu hiện đơn giản theo một chu trình Rắn - Người - Rắn. Không phải con Rắn nham hiểm trong vườn Ê đen ở Trung Cận Đông, không phải con rắn (naga) bảo vệ Phật ở Ấn Độ, không phải Xà Thần trên tám lỵ Mã Vương Đồi của Trung Quốc. Con Rắn của ta có thiêng có thực, không siêu phàm vạn năng, huyền bí dị dạng như rắn của Họ. Ta mượn Rắn để giải quyết việc người, rắn thành anh hùng giúp cộng đồng giải quyết tranh chấp xã hội mà chưa nâng thành Thiện/ Ác. Rắn chỉ xuất hiện đủ để

(1). Bản khai thần tích, tỉnh Nam Định. Thư viện KHXH. Kí hiệu Q4018/VII.

giải quyết tranh chấp xã hội đem lại hoà bình ấm no cho cộng đồng, xong việc lại rời nhân thế trở lại nước, không lưu luyến trần gian, không mở rợn uy lực dùng sức mạnh của mình đè bẹp con người, không để sự đe dọa hãi hùng nào, cũng không để lại kỳ tích nào đồ sộ.

Trời - Đất - Nước được biểu tượng bằng mặt trời (ông trời), Núi và Nõ Nường (Sơn tinh và Phồn thực) Rắn (giao long, thường luồng, rồng). Đó là những biểu tượng thiêng thẳng hoa từ những hình tượng cụ thể. Giá trị của chúng, mẫu số chung của chúng là sinh tồn. Ông trời đem lại mưa nắng. Núi đem lại nguồn sống. Nõ Nường tái sản xuất con người. Rắn vừa là Nước vừa là Đồng Bằng vừa là sự sinh sôi và bảo vệ cuộc sống đời thường phục vụ tồn tại của cộng đồng.

Chất lọc ra Ta thật không đơn giản, cần dày công hơn nữa. Đây mới chỉ là những bước đi dò dẫm trên con đường tìm bản sắc dân tộc. Cần phải biết người biết mới tìm ra ta. Và trong diễn trình lịch sử, do văn hoá vốn là của chung nhân loại, nhiều cái của Họ sẽ biến thành của Ta dưới một dạng biến thể nào đó trên cơ sở tính nhân bản. Không nên kỳ thị Ta / Họ. Cũng không nên coi ta nhất thành bất

biến. Ta mang trong Ta không những không gian mà thời gian nữa. Ta thời đại kim khí là Ta trước khi tiếp xúc với Họ tức với văn minh Trung Hoa và Ấn Độ rồi văn hoá phương Tây.

Nhìn khái quát đó là một nền văn minh không thiên về khối lượng, có kích thước trung qui mô, không tập trung cao độ, có tâm cỡ trung bình, không vọt lên trời cao lồng lộng, không đào sâu vào đất thăm thẳm, chỉ bám chắc mặt đất phù sa với đồng bằng ngập nước với đồi núi viền quanh mang lại nguồn sống. Chỉ muốn có tự tồn trong thái bình nhưng sẵn sàng chấp nhận chiến đấu hy sinh để tự tồn, dùng sức mạnh mà không có sức mạnh, không công tìn sức mạnh phàm hay thiêng, không phô trương, khuyếch trương sức mạnh để đè bẹp mình và đè bẹp người. Không dèn dãi nguy nga tráng lệ dù tiếp thu mô hình ngoại lai vốn đồ sộ (đền tháp Ấn Độ, cung điện vua chúa Trung Hoa) vì không muốn đổ sức người sức của vào đó. Một gốc đa, một hòn đá cũng đủ làm điện thờ, một đài lộ thiên, một ngôi chùa làng đơn sơ. Đó là bản sắc dân tộc nhỏ bé nhưng kiên cường, giản dị mà tự tôn, biết giữ Ta mà không bài ngoại mù quáng, sẵn sàng tiếp thu cái ngoại lai mới mà có lợi cho sự tồn tại của Ta./.